



MÁY KIỂM TRA ĐA NĂNG HOÀN TOÀN TỰ ĐỘNG SERVOTEC 100kN (CỘT ĐÔI)

Tiêu chuẩn: BS EN 10002-1, ISO 7500-1, ASTM A370

Kéo & Nén

Máy kiểm tra vạn năng hoàn toàn tự động TT Servotec sử dụng động cơ servo điều chỉnh tốc độ DC & bánh răng giảm tốc làm nguồn điện. Dữ liệu kiểm tra & trạng thái kiểm tra hiển thị theo thời gian thực với mô-đun LCD. Hệ thống điều khiển servo được thiết kế chuyên nghiệp thực hiện chế độ điều khiển điều chế độ rộng xung PWM. Nó thực sự đi kèm với chế độ điều khiển vòng kín tốc độ kiểm tra. Nó được điều khiển tự động bằng một chip.

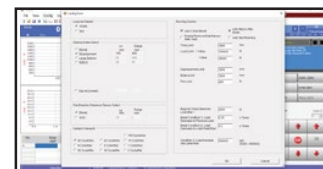
Sử dụng chính & Phạm vi

Được sử dụng để đo lường và kiểm tra tính chất cơ học và nghiên cứu phân tích vật liệu kim loại, phi kim loại và vật liệu composite, chẳng hạn như hàng không, hóa dầu, sản xuất máy móc, dây, cáp, dệt may, sợi, nhựa, cao su, gốm sứ, thực phẩm, bao bì thuốc, ống nhựa nhôm, cửa sổ và cửa ra vào bằng nhựa, vải địa kỹ thuật, màng phim, gỗ, giấy, vật liệu kim loại và ngành sản xuất, v.v.

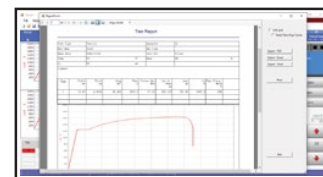
Nó có thể tự động ghi lại lực thử nghiệm tối đa, giá trị gãy, giá trị năng suất, giá trị nén tối đa. Nó cũng có thể tính toán độ giãn nở gãy & tất cả các loại giá trị cường độ theo cách thủ công. Đầu nối RA232 có thể thực hiện chức năng giao tiếp với máy tính để thực hiện công việc dữ liệu. Đây là thiết bị thiết yếu cho sản xuất, đơn vị xây dựng, phòng giám sát & kiểm tra chất lượng sản phẩm & phòng thử nghiệm vật liệu xây dựng. Nó cũng có thể được sử dụng trong trường đại học cho mục đích giảng dạy.



Trang Đường cong thử nghiệm



Trang thiết lập người dùng



Trang kết quả kiểm tra

Đặc trưng:-**Các mục có thể kiểm tra**

Mục kiểm tra chung: (Giá trị hiển thị chung và giá trị tính toán)

- Ứng suất kéo
- Độ bền kéo
- Lực kéo
- Ứng suất kéo ổn định
- Giá trị lực ứng suất không đổi
- Xé bỏ phần kéo dài
- Độ giãn dài ứng suất không đổi
- Độ bền xé
- Bất kỳ giá trị lực điểm nào.
- Bất kỳ điểm kéo dài nào
- Trích xuất
- Tính toán độ bám dính và giá trị đỉnh
- Kiểm tra áp suất
- Thử uốn
- Kiểm tra lực bám dính và lực bóc tách
- Kiểm tra lực xuyên thủng lực nhỏ
- Kiểm tra chu kỳ

Các mục kiểm tra đặc biệt

1. Hệ số đàn hồi là mô đun Young đàn hồi Định nghĩa: Tỷ số giữa thành phần ứng suất pháp tuyến và biến dạng pháp tuyến trong cùng một pha. Để xác định hệ số độ cứng của vật liệu, giá trị càng cao thì vật liệu càng bền.
2. Giới hạn tỷ lệ: Mối quan hệ giữa tải trọng và độ giãn dài có thể được duy trì trong một phạm vi nhất định và ứng suất cực đại là giới hạn cụ thể.
3. Giới hạn đàn hồi: Ứng suất lớn nhất mà vật liệu có thể chịu được lực kéo ra để thử nghiệm đâm thủng mà không bị biến dạng vĩnh viễn.
4. Biến dạng đàn hồi: Khi tải trọng được loại bỏ, biến dạng của vật liệu biến mất hoàn toàn.
5. Biến dạng vĩnh viễn: Sau khi loại bỏ tải trọng, vật liệu vẫn bị biến dạng.
6. Điểm chảy: Khi vật liệu bị kéo căng, biến dạng tăng lên, ứng suất không đổi. Điểm này là điểm chảy. Điểm chảy được chia thành điểm chảy trên và dưới, và các điểm chảy trên thường được coi là điểm chảy. Độ chảy: Khi tải vượt quá giới hạn tỷ lệ, nó không còn tỷ lệ thuận với độ giãn dài nữa. Tải sẽ giảm đột ngột. Sau đó, trong một khoảng thời gian, nó sẽ dao động lên xuống và độ giãn dài sẽ thay đổi rất nhiều. Hiện tượng này được gọi là độ chảy.
7. Giới hạn chảy: Thương số thu được bằng cách chia độ giãn dài vĩnh viễn dưới tải trọng quy định cho diện tích mặt cắt ngang ban đầu của phần song song chịu kéo.
8. Giá trị K của lò xo: Tỷ số giữa thành phần lực theo pha với biến dạng và biến dạng.
9. Độ đàn hồi hiệu dụng và mất mát trễ: Trên máy kéo, khi mẫu được kéo đến độ giãn dài nhất định hoặc đến tải trọng quy định ở tốc độ nhất định, phần trăm công thu hồi được trong quá trình co ngót và công tiêu thụ trong quá trình kéo giãn được xác định là độ đàn hồi hiệu dụng; và phần trăm công bị mất trong quá trình giãn dài và co ngót so với công tiêu thụ trong quá trình giãn dài được xác định là mất mát trễ.

Thông số kỹ thuật chính:

Số hiệu mẫu	TT 6000X / 018N
Lực thử nghiệm tối đa	100kN
Kiểu cấu trúc	Cột cứng đối với vít bi đôi có độ chính xác cao
Du hành vũ trụ	950 mm (không bao gồm đồ đạc)
Chiều rộng Khoảng cách	440mm
Kiểm tra độ chính xác của lực	±0,5%
Phạm vi tốc độ thử nghiệm	0,1 - 250 mm/phút
Tải độ phân giải	1/100 000
Độ phân giải dịch chuyển	1/1000
Độ chính xác dịch chuyển	≤0,5%
Độ phân giải của Metal Extenders	1/1000
Độ chính xác của chất kéo dài kim loại	≤0,5%
Độ chính xác của bộ mở rộng	±1mm
Phạm vi đo lường	0,5% - 100% Toàn thang đo
Đơn vị tải	Gf, kgf, N, kN, Lbf, v.v.
Màn hình cong	Các thông số trục có thể lựa chọn: Trục Y -thời gian, tải trọng, chuyển dịch, biến dạng, ứng suất, biến dạng. Trục X -thời gian, tải trọng, chuyển dịch, biến dạng, ứng suất, biến dạng.
Hiển thị dữ liệu	Lực tối đa, Tốc độ, Chi tiết mẫu, Độ bền (Kpa, Mpa, N/mm, Nmm)
Đơn vị truyền động chính	Động cơ Servo & Động cơ Servo chính xác
Tính năng an toàn	Dừng khẩn cấp, Bảo vệ quá tải, Công tắc giới hạn trên và dưới Cảm biến tải với chức năng tự động rút lui
Nguồn điện	220 ~ 240 V, 2200 W, 15 A, 1 Ph, 50 / 60 Hz
Kích thước sản phẩm	780(D) x 600(R) x 1820(C) mm
Kích thước đóng gói	880(D) x 700(R) x 1920(C) mm
Trọng lượng xấp xỉ	460kg

Đơn vị bao gồm:

Số hiệu mẫu	Mô tả các bộ phận	Số lượng
TT LC – 100kNC	Cảm biến lực chính xác cao 100kN (Loại tế bào)	1 Đơn vị.
TT 6ST – G04	Kẹp nêm cơ học (0-7mm/100kN)	1 Đơn vị.
TT 6ST – HC1	Bộ điều khiển từ tính cầm tay	1 Đơn vị.
TT 6ST – DSV1	Đơn vị máy tính xách tay c/w Hoạt động Phần mềm (TESTRONZ TUS-1.0)	1 Đơn vị.

Phụ kiện tùy chọn:

Số hiệu mẫu	Mô tả các bộ phận	Số lượng
TT 6ST – CTS	Phần mềm kiểm tra chu kỳ	1 Không.
TT AEX – 25/10	Máy đo độ giãn dài điện tử trực (GL25/D10)	1 Không.
TT AEX – 50/25	Máy đo độ giãn dài điện tử trực (GL50/D25)	1 Không.
TT AEX – 100/25	Máy đo độ giãn dài điện tử trực (GL100/D25)	1 Không.
TT 6ST – LTX-3	Máy đo độ giãn dài điện tử (LTX-3)	1 Không.
TTCP – 200	Máy tính Máy in	1 Không.
TT 6ST – PBU	Đơn vị băng ghế di động	1 Không.

* 1 bản sao Hướng dẫn sử dụng



Đơn vị băng ghế di động



người lái xe



Máy đo độ giãn dài điện tử